TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2026/HS-ST
Ngày 28 tháng 8 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Viết Tám.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Trung Tuyến

2. Ông Lê Doãn Quế

Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Thắng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 93/2026/TLST-HS ngày 29/7/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1052/2026/QĐXXST-HS ngày 17/8/2026, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 17/4/1981, tại xã Đ, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn Y, xã Đ, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Căn cước công dân số 038081003959; con ông Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1952 (đã chết), con bà Trần Thị T2, sinh năm 1954; có vợ là Đỗ Thị H, sinh năm 1985 và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 25/5/2026 đến nay; bị cáo tại ngoại; có mặt.

Bị hại:

1. Bà Trần Thị V, sinh năm 1972 (đã chết)

Người đại diện hợp pháp của bị hại Trần Thị V:

Ông Nguyễn Thế T3, sinh năm 1968

Nơi cư trú: Thôn L, xã Y, tỉnh Thanh Hóa *(là chồng của bị hại)*; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1971

Nơi cư trú: Thôn Q, xã Y, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

Người làm chứng:

- Ông Lê Văn T4 - Giám đốc Công ty TNHH T7

Nơi cư trú: Thôn Q, xã Y, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- Ông Trịnh Viết H1

- Anh Trịnh Hoàng

Cùng cư trú: Thôn L, xã Y, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn H2

Nơi cư trú: Thôn V, xã Y, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- Anh Trịnh Đình Đ

Nơi cư trú: Thôn T, xã Y, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 23/3/2026, Nguyễn Văn T có giấy phép lái xe hạng C, còn thời hạn, điều xe ô tô tải BKS 36C-274.54 của Công ty TNHH T7, ở thôn Q, xã Y, tỉnh Thanh Hóa do ông Lê Văn T4 làm Giám đốc, kéo theo moóc tự chế hai bánh phía sau để chở sắt, xi măng đi giao hàng cho khách. Sau khi giao hàng xong, khoảng 8 giờ 15 phút cùng ngày, T điều khiển xe ô tô từ thôn D, xã Đ, tỉnh Thanh Hóa về công ty. Khi đi đến đường T, thuộc địa phận thôn L, xã Y, T phát hiện phía trước cách xe ô tô của mình khoảng có anh Trịnh Viết H3 và ông Trịnh Viết H1 đang kéo ống nhựa bơm dẫn vữa xi măng, màu đen từ vỉa hè xuống lòng đường Tỉnh lộ 528, bên phần đường xe T đang lưu thông, cách mép đường 0,4m. Lúc này, T đạp phanh xe ô tô, do phanh đột ngột nên xe ô tô bị trượt một đoạn rồi quay ngang xe trên đường, dừng trước nhà ông Lê Văn L, phần thành thùng, đuôi xe bên trái của xe ô tô BKS 36C-274.54 va chạm vào xe mô tô BKS 36B1-220.88 do bà Trần Thị V điều khiển chở bà Nguyễn Thị N ngồi sau, đang đi bên phải đường theo hướng ngược chiều với xe ô tô của T. Hậu quả bà Trần Thị V tử vong, bà Nguyễn Thị N bị thương, xe mô tô BKS 36B1-220.88 bị hư hỏng.

* Kết quả khám nghiệm hiện trường:

Hiện trường nơi xảy ra tai nạn là đường Tỉnh lộ 528. Vị trí nơi xảy ra vụ tai nạn là đường Tỉnh lộ 528, trước nhà ông Lê Văn L ở thôn L, xã Y, tỉnh Thanh Hóa, đường hai chiều có vạch đứt màu vàng ở giữa đường, đường thẳng được rải nhựa bằng phẳng, lòng đường rộng 5,65m.

Vị trí xảy ra vụ tai nạn được xác định như sau:

- Phía Bắc là đường Tỉnh lộ 528, đi hướng xã Đ, tỉnh Thanh Hóa.

- Phía Nam là đường T hướng đi ra Quốc lộ D, xã Y, tỉnh Thanh Hóa.

- Phía Đông tiếp giáp lề đường được trồng cây, mương nước và cánh đồng thôn L, xã Y, tỉnh Thanh Hóa.

- Phía Tây tiếp giáp cống thoát nước rộng 0,5m, vỉa hè rộng 2,14m, đối diện nhà ông Lê Văn L.

- Lấy hướng từ đường Tỉnh lộ 528 đi ra đường Q làm hướng khám nghiệm; lấy cột mốc ký hiệu DT528 bên trái đường theo hướng khám nghiệm làm mốc, lấy mép đường bên trái theo hướng khám nghiệm làm mép chuẩn. Tại hiện trường ghi nhận các dấu vết sau:

+ Dấu vết 1 (V1): Vết tì trượt mặt đường dài 16,25m, điểm rộng nhất của vết là 0,28m, mặt vết màu đen (dạng cao su); cuối vết là mặt ngoài bánh sau bên phải tương ứng hàng chữ 137/135G, cách mép chuẩn là 2,05m; đầu vết cách mép chuẩn là 3,18m.

+ Dấu vết 2 (V2): Vết tì trượt mặt đường dài 17,1m, điểm rộng nhất của vết là 0,31m, mặt vết màu đen (dạng cao su), điểm cuối vết là mặt trong, bên phải của lốp xe sau bên trái, cách mép chuẩn 2,36m. Đầu vết cách mép chuẩn là 1,35m. Đầu V2 cách đầu V1 là 1,75m.

+ Dấu vết 3 (V3): Vết tì trượt mặt đường dài 10,85m, điểm rộng nhất của vết 0,01m, mặt vết màu đen (dạng cao su); điểm cuối là mặt ngoài lốp xe bên phải phía trước, phía trên dòng chữ POWERLUG, cách mép chuẩn là 4,87m. Đầu vết cách mép chuẩn là 3,32m. Đầu V3 cách đầu V1 là 4,75m.

+ Dấu vết 4 (V4): Xe ô tô tải BKS 36C-274.54 dừng chắn ngang đường Tỉnh lộ 528, đầu xe chỉ hướng Tây vào nhà ông Lê Văn L đuôi xe chỉ hướng Đông. Từ mặt ngoài trục bánh xe bên phải phía trước cách mép chuẩn là 4,88m.

+ Dấu vết 5 (V5): Xe mô tô BKS 36B1-220.88, dựng trên đường T, đầu xe chỉ hướng Bắc, đuôi xe chỉ hướng Nam. Mặt ngoài trục xe bánh sau bên phải cách mép chuẩn là 0,41 m; Trục bánh trước nằm ngay trên mép chuẩn. Từ trục bánh xe sau đến cuối V1 là 6,75m.

+ Dấu vết 6 (V6): Vết dập cây, cỏ, mãnh vỡ mũ bảo hiểm, vết trượt đất kích thước trong diện (2,32 x 2,45m. T2 vết vào mép chuẩn là 1,16m. Tâm V6 cách cuối V1 là 3,29m.

+ Dấu vết 7 (V7): Mooc kéo tự chế bằng kim loại, có hai bánh lốp bằng cao su màu đen, nằm trên lề đường bên phải theo hướng khám nghiệm. Đầu mooc hướng N1, đuôi hướng Bắc. Mặt ngoài trục bánh sau bên trái đến mép chuẩn là 07m.

+ Đo từ tâm mặt ngoài bánh sau bên trái xe ô tô BKS 36C-274.54 cách mốc là 30,6m.

- Tại đoạn đường xảy ra tai nạn giao thông không lắp biển báo hiệu đường bộ.

* Kết quả giám định video: Đối với 01 tệp video ghi lại nội dung, diễn biến vụ tai nạn giao thông được trích xuất từ camera an ninh của quán K ơ thôn L, xã Y, tỉnh Thanh Hóa.

Kết luận giám định số: 2140/KL-KTHS ngày 05/5/2026 của Phòng K1 Công an tỉnh T, kết luận: Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong các tệp video lưu trong mẫu vật gửi giám định.

* Kết quả giám định dấu vết cơ học: Kết luận giám định số: 1906/KL-KTHS ngày 14/4/2026 của Phòng K1, Công an tỉnh T, kết luận:

- Điểm va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện: Mặt ngoài dưới bên trái thành thùng xe (cách mặt sau thùng xe 51cm) đến mặt ngoài ốp kim loại định vị bên trái đèn hậu xe ô tô tải BKS 36C-274.54 (ảnh 5 đến ảnh 9) với mặt trước đầu trong tay phanh bên phải, mặt trước ngoài cụm định vị tay phanh bên trái, mặt trước trên ốp nhựa bên trái đầu xe mô tô BKS 36B1-220.88 (ảnh 17 đến 20).

- Tại thời điểm xảy ra va chạm, bên trái đuôi xe ô tô tải BKS 36C-274.54 chuyển động theo chiều từ trước về sau, từ phải qua trái so với chiều hướng chuyển động của xe BKS 36B1-220.88.

- Vị trí va chạm nằm trong khoảng giữa lốp sau bên phải xe BKS 36C-274.54 và lốp sau xe BKS 36B1-220.88, được thể hiện trong biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường, trên chiều đường từ Quốc lộ D đi xã Đ.

- Không đủ cơ xác định tốc độ của hai phương tiện tại thời điểm xảy ra va chạm.

* Kết quả giám định pháp y tử thi đối với bà Trần Thị V: Kết luận giám định tử thi số: 1679/KLGĐTT-PC09 ngày 30/3/2026 của Phòng K1 Công an tỉnh T, kết luận nguyên nhân chết: Mất máu cấp do đa chấn thương.

* Kết quả giám định sức khỏe đối với bà Nguyễn Thị N: Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 2869/KL-KTHS ngày 04/06/2026 của V1, Bộ C2, kết luận: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bà N tại thời điểm giám định là 64% (Sáu mươi tư phần trăm).

* Kết quả giám định cồn, chất ma túy đối với Nguyễn Văn T và Trần Thị V:

- Kết luận giám định số: 1716/KL-KTHS và số: 1717/KL-KTHS ngày 31/3/2026 của Phòng K1 Công an tỉnh T, kết luận: Không có Ethanol (cồn), tìm thấy chất ma túy và sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy trong mẫu máu của Nguyễn Văn T và Trần Thị V.

* Kết quả định giá tài sản: Kết luận định giá tài sản số: 02/KL-HĐĐGTS ngày 02/4/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng xã Y, kết luận: Tổng trị giá phần tài sản bị thiệt hại của xe mô tô BKS 36B1-220.88 là 4.500.000đ.

Về phần dân sự: Trong quá trình điều tra, Nguyễn Văn T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại tính mạng của bà Trần Thị V số tiền là 280.000.000đ; bồi thường thiệt hại sức khỏe và tài sản của bà Nguyễn Thị N số tiền 180.000.000đ. Công Ty

TNHH T7 bồi thường thiệt hại tính mạng của bà Trần Thị V số tiền là 50.000.000đ. Đại diện hợp pháp của bà V và bà N đã nhận đủ tiền bồi thường và không yêu gì thêm.

Đối với xe ô tô BKS 36C-274.54, bị hư hỏng nhẹ, Công Ty TNHH T7 không yêu cầu Nguyễn Văn T phải bồi thường.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã thu giữ các vật chứng, tài sản sau:

- 01 (Một) xe ô tô tải nhãn hiệu FORLAND, màu xanh, BKS 36C-274.54, đã qua sử dụng;

- 01 (Một) moóc tự chế bằng kim loại, có hai bánh lốp bằng cao su, đã qua sử dụng.

- 01 (Một) xe mô tô, nhãn hiệu AIR BLADE, màu đỏ, đen, BKS 36B1-220.88, đã qua sử dụng;

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định: Xe mô tô nhãn hiệu AIR BLADE, BKS 36B1-220.88 thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị N; Xe ô tô tải nhãn hiệu FORLAND, BKS 36C-274.54 và moóc tự chế thuộc quyền sở hữu của "Công ty TNHH T7" do ông Lê Văn T4 làm Giám đốc. Xe mô tô và xe ô tô trên không phải là vật chứng của vụ án, vụ việc khác nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu.

Đối với 01 moóc tự chế bằng kim loại, có hai bánh lốp bằng cao su, Cơ quan điều tra đã chuyển đến Phòng C3 (PC08) Công an tỉnh T để xử lý theo quy định của pháp luật.

Cáo trạng số 50/CT-VKSKV8 ngày 28/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thanh Hóa, truy tố Nguyễn Văn T về tội *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"* theo điểm a, b khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết như sau: Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt Nguyễn Văn T từ 01 *(Một)* năm 06 *(Sáu)* tháng đến 01 *(Một)* năm 09 *(Chín)* tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 *(Ba)* năm đến 03 *(Ba)* năm 06 *(Sáu)* tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về phần dân sự và tang vật đã giải quyết trong quá trình điều tra, nên đề nghị không xem xét. Về án phí, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn nhận tội; không có ý kiến tranh luận; đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp để bị cáo có điều kiện cải tạo, học tập trở thành người tốt.

Bị hại bà Nguyễn Thị N không có ý kiến tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện hợp pháp của bị hại bà Trần Thị V có đơn xin giảm nhẹ hình phạt

cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, của Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, của Viện kiểm sát và Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, của Viện kiểm sát và Kiểm sát viên đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về căn cứ định tội, định khung hình phạt đối với bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn nhận tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của người tham gia tố tụng khác, đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 8 giờ 15 phút, ngày 23/3/2026, Nguyễn Văn T có Giấy phép lái xe hạng C, còn thời hạn, phù hợp với loại xe bị cáo điều khiển, điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát BKS 36C-27.454, đi trên đường L thuộc địa phận thôn L, xã Y, tỉnh Thanh Hóa theo hướng xã Đ về xã Y, tỉnh Thanh Hóa do không chú ý quan sát, không đi đúng phần đường, không đảm bảo tốc độ phù hợp điều kiện của đường, khi phát hiện có người phía trước T đã phanh gấp làm cho xe ô tô do T điều khiển trượt một đoạn rồi quay ngang xe trên đường dẫn đến mặt ngoài bên trái phía dưới thành thùng xe đến mặt ngoài ốp kim loại định vị bên trái đèn hậu xe ô tô va chạm với mặt trước đầu trong tay phanh bên phải, mặt trước ngoài cụm định vị tay phanh bên trái, mặt trước trên ốp nhựa bên trái đầu xe mô tô BKS 36B1-220.88 do bà Trần Thị V điều khiển chở bà Nguyễn Thị N ngồi sau. Hành vi của Nguyễn Văn T đã vi phạm khoản 1 Điều 10 và khoản 2 Điều 12 Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ. Hậu quả, bà Trần Thị V tử vong; bà Nguyễn Thị N bị thương với tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 64% (Sáu mươi tư phần trăm); xe mô tô BKS 36B1-220.88 bị hư hỏng, giá trị thiệt hại là 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng), đủ yếu tố cấu thành tội *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"* quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thanh Hóa truy tố Nguyễn Văn T về tội *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"* theo điểm a, b khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất vụ án: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quy định của Nhà nước về an toàn giao thông đường bộ, gây thiệt hại tính

mạng, sức khỏe và tài sản của người khác, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội. Để bảo đảm cho hoạt động giao thông được bình thường, bảo vệ tính mạng, sức khỏe và tài sản của người khác, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, hành vi của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm theo quy định của Bộ luật Hình sự.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân bị : Bị cáo đã chủ động phối hợp đưa người bị nạn đi cấp cứu, tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại về tính mạng, sức khỏe và tài sản cho bị hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bố bị cáo ông Nguyễn Ngọc T1 là thương binh Hạng 3/4 là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về nhân thân, bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong đó có 02 tình tiết quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, có i cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo, không bị áp dụng tăng nặng trách nhiệm hình sự, nên xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, giao cho chính quyền địa phương quản lý, giáo dục cũng đủ điều kiện để bị cáo học tập, cải tạo trở thành người tốt.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội lần đầu, phạm tội nghiêm trọng với lỗi vô ý, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Thiệt hại tính mạng, sức khỏe và tài sản của bị hại do xe ô tô tải nhãn hiệu FORLAND, BKS 36C-274.54 là nguồn nguy hiểm cao độ gây ra. Công ty TNHH T7 là chủ sở hữu và đang chiếm hữu, sử dụng đối với chiếc xe ô tô trên nên Công ty có trách nhiệm bồi thường trước và có quyền yêu cầu Nguyễn Văn T hoàn trả một khoản tiền theo quy định của pháp luật. Trong quá trình điều tra, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe và tài sản cho bị hại với tổng số tiền là 460.000.000 đồng; Công ty TNHH T7 đã bồi thường cho gia đình bị hại Trần Thị V 50.000.000 đồng. Bị cáo và Công ty đã bồi thường xong, bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại không còn yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về vật chứng và xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (Một) xe ô tô tải nhãn hiệu FORLAND, màu xanh, BKS 36C-274.54, đã qua sử dụng; 01 (Một) xe mô tô, nhãn hiệu AIR BLADE, màu đỏ, đen, BKS 36B1-220.88, đã qua sử dụng. Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, chiếc xe ô tô thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty TNHH T7 do ông Lê Văn T4 làm Giám đốc; chiếc xe mô tô thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị hại bà Nguyễn Thị N. Xe ô tô và xe mô tô có đủ điều kiện lưu hành và không phải vật chứng trong vụ việc, vụ án khác, Cơ quan CSĐT đã trả lại xe ô tô cho Công ty TNHH T7; trả lại xe mô tô cho bà Nguyễn Thị N là đúng quy định.

- Đối với 01 (Một) moóc tự chế bằng kim loại, có hai bánh lốp bằng cao su, đã qua sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chuyển hồ sơ, tài liệu liên quan và vật chứng đến Phòng C3 Công an tỉnh T để giải quyết theo thẩm quyền. Ngày

08/7/2026, Phòng C3 đã ra Quyết định số: G01.851.308.04-981-26-008850/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính về hành vi *"Điều khiển xe ô tô kéo theo vật khác"* quy định tại điểm h khoản 3 Điều 6 Nghị định 168/2024/NĐ-CP, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"*.

Căn cứ: Điểm a, b khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 01 *(Một)* năm 06 *(Sáu)* tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 *(Ba)* năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho UBND xã Đ, Công an xã Đ, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo và bị hại bà Nguyễn Thị N; Vắng mặt người đại diện theo pháp luật của bị hại bà Trần Thị V. Bị cáo và bị hại bà Nguyễn Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người đại diện theo pháp luật của bị hại bà Trần Thị V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Viết Tám

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- VKSND KV8 - Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- CQCSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa;
- CQTHAHS Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Trung Tuyến **Lê Doãn Quế** **Lê Viết Tám**